

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2021/HS-ST
Ngày 12 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tố Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 185/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2021/QĐXXST-HS ngày 18/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2021/HSST-QĐ ngày 16/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2021/HSST-QĐ ngày 29/9/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Khỏe N, sinh năm 1994, tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: ấp An Bình, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở: 11/15 khu phố TB, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Việt Hận, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Năm, sinh năm 1974; bị cáo có 03 anh em ruột, lớn sinh năm 1992, N sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2020. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị hại:

1. Lê Văn L, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N. Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, xã P, huyện B, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Võ Thị Bích T, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: ấp K, xã V, huyện N, tỉnh C. Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, xã P, huyện B, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị S. Vắng mặt.
2. Nguyễn Tấn K. Vắng mặt.
3. Trương Văn H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ ngày 02/8/2020, Nguyễn Văn Khỏe N đi đến phòng số 10 dãy nhà trọ tại địa chỉ số 11/15 khu phố TB, phường Đ, thành phố D, tỉnh B để uống bia với bạn. Đến 17 giờ cùng ngày, N đi ngang qua phòng số 11 cùng dãy trọ thì có ông Lê Văn L đứng trước cửa phòng và nhìn thấy ông L đang chửi Tạ Minh C (cháu ruột của ông L). Lúc này, ông L bức tức do N nhìn mình nên cả hai xảy ra mâu thuẫn. Ông L dùng tay nắm sọt vào mặt của N thì được mọi người can ngăn. N bức tức vì bị ông L đánh nên bỏ chạy về đến phòng trọ số 17 của mình (khác dãy trọ nhưng cùng địa chỉ trọ). N kêu Nguyễn Văn D (cậu ruột của N) đang ở tại phòng trọ số 22 và la lên “Cậu ơi, thằng đó đánh con” nhằm mục đích gọi D đến hỗ trợ N đánh ông L. Lúc này D nhìn ra thì thấy N đang đứng trước phòng của N. Sau khi gọi được D thì N đi trước đến đầu dãy trọ nhặt 02 viên gạch ông để trên chậu cây rồi chạy lại chỗ ông L đang đứng ở hành lang dãy trọ. Nhìn thấy N, ông L định xông đến đánh N thì được bà Võ Thị Bích T (vợ của ông L) cùng mọi người can ngăn. N liền chạy tới, đứng cách khoảng 02 mét ném 01 viên gạch về phía ông L thì trúng vào mặt bà Võ Thị Bích T dẫn đến thương tích. Ông L xông đến chỗ N thì được mọi người can ngăn. Cùng lúc, D trên tay phải cầm 01 con dao chạy đến chém ông L hướng từ trên xuống trúng vào vị trí vùng đầu trượt xuống ngực gây thương tích. Sau đó cả nhóm bỏ trốn khỏi hiện trường. Đến 17 giờ 50 phút cùng ngày, N đến Công an phường Đông Hòa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Riêng Nguyễn Văn D bỏ trốn.

Vật chứng thu giữ: 02 viên gạch ông hai lỗ bị vỡ thành nhiều mảnh; 01 USB 8GB mã số BI03262257 do bà Nguyễn Thị S giao nộp (ghi lại nội dung vụ án).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0673/TgT/2020 ngày 11/8/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích của bà Võ Thị Bích T như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương tụ dịch dưới vết thương vùng má phải kích thước 1,2x0,3cm (dị vật phần mềm), (áp dụng Chương 8, mục VII.1.1). Tỷ lệ: 03%.

- Sẹo gò má phải kích thước 4,5x0,2cm (áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 03%.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Võ Thị Bích T - 1981 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là 06% (sáu phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Vật gây thương tích: Vật tày.”

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0776/TgT/2020 ngày 15/9/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích của ông Lê Văn L như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương gãy thành trong ổ mắt trái không ảnh hưởng thị lực (áp dụng Chương 10, mục XIII.1). Tỷ lệ: 05%.

- Tổn thương tụ máu dưới màng cứng trán trái đã điều trị hiện không còn ổ tụ máu (áp dụng Chương 1, mục III phần ghi chú). Tỷ lệ: 08%.

- Tổn thương xuất huyết dưới nhện vùng trán trái đã điều trị khỏi (áp dụng Chương 1, mục III phần ghi chú). Tỷ lệ: 10%.

- Tổn thương nứt sọ trán trái dài 03cm lan xuống trần hốc mắt trái 03cm (sàn sọ), (áp dụng Chương 1, mục I.3.1). Tỷ lệ: 18%.

- Sẹo từ trán trái băng qua cung mày trái xuống khoe trong mắt trái kích thước 9,5x0,2cm (áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 06%.

- Sẹo ngực trái kích thước 14x0,3cm (áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Văn L – 1985 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là 41% (bốn mươi một phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Vật gây thương tích: Vật sắc.

- Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D – Bình Dương xác minh trong quá trình điều trị tại bệnh viện có bị tổn thương gãy xương chính mũi và nứt thành trước xoang hàm trái không? Nếu có, đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra trung cầu giám định bổ sung”

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0228/TgT/2021 ngày 22/3/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích của ông Lê Văn L như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương nứt (vỡ) thành trước xoang hàm trái không di lệch (áp dụng Chương 12, mục II.4.1). Tỷ lệ 07%.
- Tổn thương gãy xương chính mũi không ảnh hưởng chức năng thở và ngửi (áp dụng Chương 12, mục II.3.1). Tỷ lệ 07%.
- Tổng tỷ lệ gãy thành trước xoang hàm trái và gãy xương chính mũi là 14%.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung của nạn nhân Lê Văn L - 1985 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là 49% (bốn mươi chín phần trăm)”.

Tại cáo trạng số 206/CT-VKS-DA ngày 15 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N mức án tù 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại chi phí tiền thuốc, xe đi lại thực tế, tiền tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: 02 viên gạch ống hai lỗ bị vỡ thành nhiều mảnh, là công cụ sử dụng việc phạm tội và là tang vật của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với Nguyễn Văn D, ngày 24/02/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định khởi tố bị can, Quyết định truy nã đối với D về tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị cáo nêu ý kiến: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thống nhất với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bị hại;

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt các bị hại nêu ý kiến: Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, bị hại Võ Thị Bích T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 17 giờ ngày 02/8/2020, bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N dùng gạch **là hung khí nguy hiểm** ném gây thương tích cho chị Võ Thị Bích T với tỷ lệ 06%, đồng thời bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N có hành vi kêu gọi Nguyễn Văn D đến hỗ trợ và Nguyễn Văn D dùng dao chém anh Nguyễn Văn Long trúng vào đầu, trượt xuống ngực gây thương tích cho anh Nguyễn Văn Long với tỷ lệ 49%. Xét, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như Biên bản xác định địa điểm, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0673/TgT/2020 ngày 11/8/2020 và số 0776/TgT/2020 ngày 15/9/2020 và số 0228/TgT/2021 ngày 22/3/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Nai, Bản ảnh thực nghiệm điều tra, Hồ sơ bệnh án của các bị hại. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 206/CT-VKS-DA ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, trong vụ án có một phần lỗi của bị hại Lê Văn L. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án tiền sự.

[7] Về hình phạt: Xét bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến sức khỏe của các bị hại được pháp luật bảo vệ, chỉ vì một mâu thuẫn N mà bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Võ Thị Bích T với tỷ lệ 06% và bị cáo có hành vi kêu gọi Nguyễn Văn D, hậu quả là Nguyễn Văn D dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Lê Văn L với tỷ lệ 49%, đồng thời tội phạm bị cáo thực hiện ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[8] Xử lý vật chứng:

- Đối với 02 viên gạch ống hai lỗ bị vỡ nhiều mảnh là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và tang vật của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 USB 8GB mã số BI03262257 do bà Nguyễn Thị S nộp, USB ghi lại hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu tại hồ sơ vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình tố tụng và tại đơn xin giải quyết vắng mặt bị hại Võ Thị Bích T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N bồi thường tiền điều trị thương tích, tiền công lao động và tiền tổn thất tinh thần với số tiền là 10.000.000 đồng, bị hại Lê Văn L yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N bồi thường tiền điều trị thương tích, tiền công lao động và tiền tổn thất tinh thần với số tiền là 40.000.000 đồng, tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N thống nhất bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Xét thấy, yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị hại được bị cáo đồng ý và phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở buộc bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N bồi thường cho chị Võ Thị Bích T số tiền là 10.000.000 đồng, bồi thường cho anh Lê Văn L số tiền là 40.000.000 đồng.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh B đưa ra đối với bị cáo về tội danh, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân, xử lý vật chứng và việc trách nhiệm dân sự là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[11] Đối với đối tượng Nguyễn Văn D sau khi phạm tội đã bỏ trốn nên Cơ quan Điều tra Công an Dĩ An đã ra Quyết định truy nã bị can và Quyết định tách vụ án Hình sự để điều tra xử lý sau là đúng quy định tại Điều 170 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N phạm tội Cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Võ Thị Bích T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Văn L số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Lê Văn L, chị Võ Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho anh Lê Văn L, chị Võ Thị Bích T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; **điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.**

- Tịch thu tiêu hủy 02 viên gạch ống hai lỗ bị vỡ nhiều mảnh.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D).

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 USB 8GB mã số BI03262257.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Bị cáo Nguyễn Văn Khỏe N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự thành phố D;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Kiều Thị Uyên**